

ỦY BAN NHÂN DÂN
HUYỆN SƠN TỊNH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /QĐ-UBND

Sơn Tịnh, ngày tháng năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt Báo cáo kinh tế - kỹ thuật đầu tư
xây dựng công trình: Tuyến đường xóm 6 đi xóm 8 Lâm Lộc Bắc

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN SƠN TỊNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Xây dựng ngày 18/6/2014; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng ngày 17/6/2020;

Căn cứ Nghị định số 06/2021/NĐ-CP ngày 26/01/2021 của Chính phủ quy định chi tiết một số nội dung về quản lý chất lượng, thi công xây dựng và bảo trì công trình xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 10/2021/NĐ-CP ngày 09/02/2021 của Chính phủ về quản lý chi phí đầu tư xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 35/2023/NĐ-CP ngày 20/6/2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 175/2024/NĐ-CP ngày 30/12/2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Xây dựng về quản lý hoạt động xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 24/2024/NĐ-CP ngày 27/02/2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Đấu thầu về lựa chọn nhà thầu;

Căn cứ Thông tư số 06/2021/TT-BXD ngày 30/6/2021 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng quy định về phân cấp công trình xây dựng và hướng dẫn áp dụng trong quản lý hoạt động đầu tư xây dựng;

Căn cứ Thông tư số 11/2021/TT-BXD ngày 31/8/2021 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng hướng dẫn một số nội dung xác định và quản lý chi phí đầu tư xây dựng;

Căn cứ Thông tư số 12/2021/TT-BXD ngày 31/8/2021 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng ban hành định mức xây dựng; Thông tư số 09/2024/TT-BXD ngày 30/8/2024 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng sửa đổi, bổ sung một số định mức xây dựng ban hành tại Thông tư số 12/2021/TT-BXD ngày 31/8/2021 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng;

Căn cứ Quyết định số 32/2021/QĐ-UBND ngày 09/7/2021 của UBND tỉnh Quảng Ngãi Ban hành quy định về một số nội dung về quản lý dự án đầu tư xây dựng trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi;

Căn cứ Quyết định số 21/2024/QĐ-UBND ngày 28/6/2024 của UBND tỉnh Quảng Ngãi Ban hành Quy trình thẩm định, phê duyệt, điều chỉnh Báo cáo kinh tế - kỹ thuật đầu tư xây dựng các dự án sử dụng vốn đầu tư công, vốn nhà nước ngoài đầu tư công do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã quyết định đầu tư;

Căn cứ Nghị quyết số 40/NQ-HĐND ngày 22/10/2024 của HĐND huyện Sơn Tịnh về chủ trương đầu tư Dự án Tuyến đường xóm 6 đi xóm 8 Lâm Lộc Bắc;

Theo đề nghị của UBND thị trấn Tịnh Hà tại 57/TTr-UBND ngày 24/3/2025; ý kiến của Phòng Kinh tế, Hạ tầng và Đô thị tại Công văn số 76/KTHT&ĐT ngày 27/03/2025 về việc thông báo kết quả thẩm định Báo cáo kinh tế kỹ thuật xây dựng công trình: Tuyến đường xóm 6 đi xóm 8 Lâm Lộc Bắc.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Báo cáo kinh tế - kỹ thuật đầu tư xây dựng công trình: Tuyến đường xóm 6 đi xóm 8 Lâm Lộc Bắc, với các nội dung sau:

1. Tên công trình: Tuyến đường xóm 6 đi xóm 8 Lâm Lộc Bắc.
2. Địa điểm xây dựng: thị trấn Tịnh Hà, huyện Sơn Tịnh.
3. Người quyết định đầu tư: Chủ tịch UBND huyện Sơn Tịnh.
4. Chủ đầu tư: UBND thị trấn Tịnh Hà.
5. Nhà thầu khảo sát, lập Báo cáo kinh tế - kỹ thuật: Công ty TNHH MTV TV XD & TM Bảo Đạt.

6. Loại, nhóm công trình: Công trình giao thông IV (theo Thông tư số 06/2021/TT-BXD ngày 30/6/2021 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng).

7. Mục tiêu công trình: Từng bước hoàn thiện hệ thống giao thông đường xã đồng bộ, tạo điều kiện cho Nhân dân đi lại được thuận lợi, an toàn, nâng cao năng lực khai thác phục vụ Nhân dân, nâng cao đời sống Nhân dân vùng hưởng lợi, góp phần phát triển kinh tế - xã hội cho địa phương.

8. Quy mô đầu tư xây dựng:

8.1. Quy mô chủ yếu:

TT	Hạng mục/chỉ tiêu kỹ thuật	Đơn vị	Thông số kỹ thuật
I.	Nền, mặt đường		
1.	Chiều dài tuyến, trong đó:	m	L = 800
-	Đoạn 1 (làm mới)	m	L1 = 318,92
-	Đoạn 2 (nâng cấp, mở rộng)	m	L2 = 107,48

-	Đoạn 3 (nâng cấp, mở rộng)	m	$L_3 = 93,89$
-	Đoạn 4 (làm mới)	m	$L_4 = 279,71$
2.	Cấp đường thiết kế		Đường GTNT, cấp B
3.	Bề rộng nền đường	m	$B_n = 3,5$
4.	Bề rộng mặt đường	m	$B_{mặt} = 3,0$
5.	Bề rộng lề đường đất	m	$B_{lề} = 2 \times 0,5 = 0,5$
6.	Dốc ngang mặt đường, lề đường	%	$i_{mặt+lề} = 2\%$; $i_{lề đất} = 2\%$
7.	Kết cấu mặt đường		BTXM M250 đá 2x4 dày 16cm có bố trí khe co, khe dẫn bằng gỗ tạp chèn nhựa đường.
8.	Tải trọng trục tính toán:	T	$P = 2,5$
II	Thoát nước		
-	Cống V50 tại Km0+1 (đoạn 1)		Chiều dài $L = 11m$, thân ống gồm 11 đốt cống V50 kết cấu bằng BTCT M250 đá 1x2; móng tường đầu, tường đầu bằng BT M150 đá 2x4;
-	Cống V75 tại Km0+120,75 (đoạn 1)		Chiều dài $L = 5m$, thân ống gồm 5 đốt cống V75 kết cấu bằng BTCT M250 đá 1x2; móng tường đầu, móng tường cánh, sân cống bằng BT M150 đá 2x4; tường đầu, tường cánh bằng BT M150 đá 2x4
-	Cống V75 tại Km0+ 397,9 (đoạn 2)		Chiều dài $L = 8m$, thân ống gồm 8 đốt cống V75 kết cấu bằng BTCT M250 đá 1x2; móng tường đầu, tường đầu M150 đá 2x4

1.2. Giải pháp thiết kế:

a. Bình đồ: Thiết kế cơ bản bám theo đường cũ hiện có. Các điểm khống chế: Điểm đầu, điểm cuối, nút giao thông, các công trình cầu cống,....

b. Trắc dọc: Đường đờ được thiết kế theo nguyên tắc tận dụng tối đa nền đường hiện hữu, hạn chế khối lượng đào đắp. Các điểm khống chế cao độ: Điểm đầu, điểm cuối, nút giao thông, các công trình cầu cống, ...

c. Trắc ngang:

- Đoạn 1 từ Km0 - Km0+ 318,92 và đoạn 4 từ Km0+876,11 - Km1 +155,82: Bề rộng nền đường: $B_n = 3,5m$; Bề rộng mặt đường: $B_m = 3,0m$; Bề rộng lề đất: $B_{lề} = 2 \times 0,25 = 0,5$; Dốc ngang mặt đường và lề đất: $i_{m+lề} = 2\%$. Kết cấu nền mặt đường (theo thứ tự từ trên xuống):

- + Lớp bê tông xi măng M250, đá 2x4 dày 16cm;
- + Lớp ni lông chống mất nước xi măng;
- + Lớp cấp phối đá dăm loại B dày 12cm;
- + Nền đường san gạt, bù phụ lu lèn đạt $K \geq 0,95$.

- Đoạn 2 từ Km0+392,23 - Km0+499,71 và đoạn 3 từ Km0+735,84 - Km0+829,73: Bề rộng nền đường: $B_n = 3,5m$; Bề rộng mặt đường và lề gia cố:

$B_{m+l_{gc}} = 2,5+2 \times 0,25 = 3,0\text{m}$; Bề rộng lề đất: $2 \times 0,25 = 0,5\text{m}$; (kết cấu lề gia cố tương đồng kết cấu mặt đường và thi công đồng thời với kết cấu mặt đường); Đốc ngang mặt đường và lề gia cố: $i_{m+l_{gc}} = 2\%$; Đốc ngang lề đất: $i_{l\grave{e}} = 2\%$. Kết cấu nền mặt đường (theo thứ tự từ trên xuống) trong phạm vi mặt đường BTXM cũ:

- + Bê tông xi măng M250, đá 2x4 dày 16cm;
- + Bao ni lông chống thấm;
- + Lớp bù phụ bằng BTXM M250 đá 2x4;
- + Nền mặt đường cũ hư hỏng tận dụng làm nền đường.

Riêng phạm vi mở rộng ngoài mặt đường BTXM cũ và đoạn đường đào, phá dỡ bê tông kết cấu nền mặt đường (theo thứ tự từ trên xuống):

- + Bê tông xi măng M250, đá 2x4 dày 16cm;
- + Bao ni lông chống thấm;
- + Lớp cấp phối đá dăm loại B dày 10cm;
- + Nền đất san gạt, bù phụ lu lèn đạt $K \geq 0,95$.

d. Thoát nước:

- Thiết kế cống V50 tại Km0+1 (đoạn 1) với quy mô: Chiều dài $L = 11\text{m}$, thân ống gồm 11 đốt cống V50 kết cấu bằng BTCT M250 đá 1x2; móng tường đầu, tường đầu bằng BT M150 đá 2x4.

- Thiết kế cống V75 tại Km0+120,75 (đoạn 1) với quy mô: Chiều dài $L = 5\text{m}$, thân ống gồm 5 đốt cống V75 kết cấu bằng BTCT M250 đá 1x2; móng tường đầu, móng tường cánh, sân cống bằng BT M150 đá 2x4; tường đầu, tường cánh bằng BT M150 đá 2x4.

- Thiết kế cống V75 tại Km0+397,9 (đoạn 2) với quy mô: Chiều dài $L = 8\text{m}$, thân ống gồm 8 đốt cống V75 kết cấu bằng BTCT M250 đá 1x2; móng tường đầu, tường đầu M150 đá 2x4.

- Tận dụng lại cống D30 tại Km0+771,39.

e. Cọc tiêu: Km0+73.48 đến Km0+157.48 ($L=84\text{m}$) bố trí 34 cọc tiêu bằng BTCT M200, đá 1x2; Móng cọc tiêu bằng bê tông M150, đá 2x4; Cọc tiêu sơn phản quang 02 lớp.

9. Danh mục tiêu chuẩn chủ yếu được lựa chọn:

9.1. Quy trình khảo sát:

- Quy trình khảo sát 22TCN-262-2000, 22TCN-263-2000, TCCS 31:2020/TCĐBVN Đường ô tô - Tiêu chuẩn khảo sát.

9.2. Quy trình thiết kế:

- Đường giao thông nông thôn - Tiêu chuẩn thiết kế 22TCN 210-92.

- Quy trình thiết kế áo đường cứng số 22TCN 223 - 95.

- Tiêu chuẩn thiết kế đường ô tô TCVN 4054-2005.

- Quy trình thi công & nghiệm thu lớp móng cấp phối đá dăm trong kết cấu áo đường ô tô TCVN 8859:2011.
- Quy trình kiểm tra và nghiệm thu độ chặt đất nền 22TCN 02-71.
- Công tác đất TCVN 4447-2012 và các quy trình thi công và nghiệm thu khác.
- Đường giao thông nông thôn - Yêu cầu thiết kế TCVN 10380-2014.
- Kết cấu bê tông và bê tông cốt thép - Tiêu chuẩn thiết kế TCVN 5574:2012.
- Quyết định số 932/QĐ-BGTVT ngày 18/7/2022 của Bộ Giao thông vận tải về việc ban hành “Hướng dẫn thực hiện tiêu chí về giao thông thuộc bộ tiêu chí quốc gia về xã nông thôn mới/xã nông thôn mới nâng cao và huyện nông thôn mới/huyện nông thôn mới nâng cao giai đoạn 2021-2025”.
- Quyết định số 1407/QĐ-UBND ngày 13/10/2022 của Chủ tịch UBND tỉnh Quảng Ngãi về việc ban hành thiết kế mẫu, thiết kế điển hình đối với các công trình: Trường học mầm non, mẫu giáo; nhà văn hoá thôn, bản; chợ nông thôn; các công trình đường giao thông nông thôn và công trình kiên cố hóa kênh mương loại III trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi.
- Công văn 3774/SGTVT-QLCL ngày 31/12/2022 của Sở Giao thông vận tải tỉnh Quảng Ngãi về việc công bố và triển khai áp dụng thiết kế mẫu, thiết kế điển hình đối với các công trình đường giao thông nông thôn trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi.

- Các quy trình thi công và nghiệm thu khác có liên quan.

10. Tổng mức đầu tư xây dựng: 1.000.000.000 đồng. (*Bằng chữ: Một tỷ đồng*). Trong đó:

- Chi phí xây dựng:	850.121.592	đồng
- Chi phí quản lý dự án:	25.707.677	đồng
- Chi phí tư vấn:	111.141.383	đồng
- Chi phí khác:	12.920.304	đồng
- Chi phí dự phòng :	109.044	đồng

11. Tiến độ thực hiện dự án: 2024-2026.

12. Nguồn vốn đầu tư và dự kiến bố trí kế hoạch vốn theo tiến độ thực hiện dự án: Thực hiện Nghị quyết số 40/NQ-HĐND ngày 22/10/2024 của HĐND huyện Sơn Tịnh về chủ trương đầu tư Dự án Tuyến đường xóm 6 đi xóm 8 Lâm Lộc Bắc.

13. Hình thức tổ chức quản lý dự án được áp dụng: Chủ đầu tư trực tiếp quản lý (nếu đủ điều kiện, năng lực) hoặc thuê đơn vị tư vấn quản lý điều hành theo đúng quy định.

Điều 2. Căn cứ Quyết định này, giao UBND thị trấn Tịnh Hà:

1. Triển khai các bước tiếp theo của dự án đảm bảo đúng quy định hiện hành của Nhà nước về quản lý đầu tư xây dựng công trình, sớm đưa dự án vào khai thác, phát huy hiệu quả.

2. Thực hiện đầy đủ các nội dung kiến nghị của Phòng Kinh tế, Hạ tầng và Đô thị tại Công văn số 76/KTHT&ĐT ngày 27/03/2025.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 4. Chánh Văn phòng HĐND và UBND huyện; Trưởng các Phòng: Kinh tế, Hạ tầng và Đô thị, Tài chính - Kế hoạch; Chủ tịch UBND thị trấn Tịnh Hà và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- CT, các PCT UBND huyện;
- Phòng Giao dịch số 18 thuộc KBNN khu vực XII;
- PCVP (KT, TH);
- Lưu: VT.

CHỦ TỊCH

Phạm Xuân Vinh